

Số: 362/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý
chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng
12 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý
chất thải y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 24/TTr-SYT ngày
20/01/2017, Công văn số 182/SYT-KHNVY ngày 07/02/2017; Công văn số
108/STNMT-BVMT ngày 20/01/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc
góp ý dự thảo Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

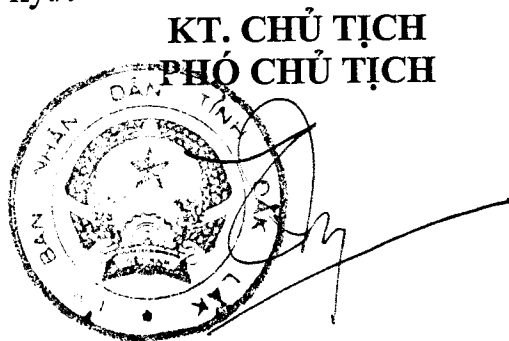
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thu gom, vận chuyển
và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài nguyên
và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền
thông; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; người đứng đầu các cơ sở y tế trên
địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Thư*

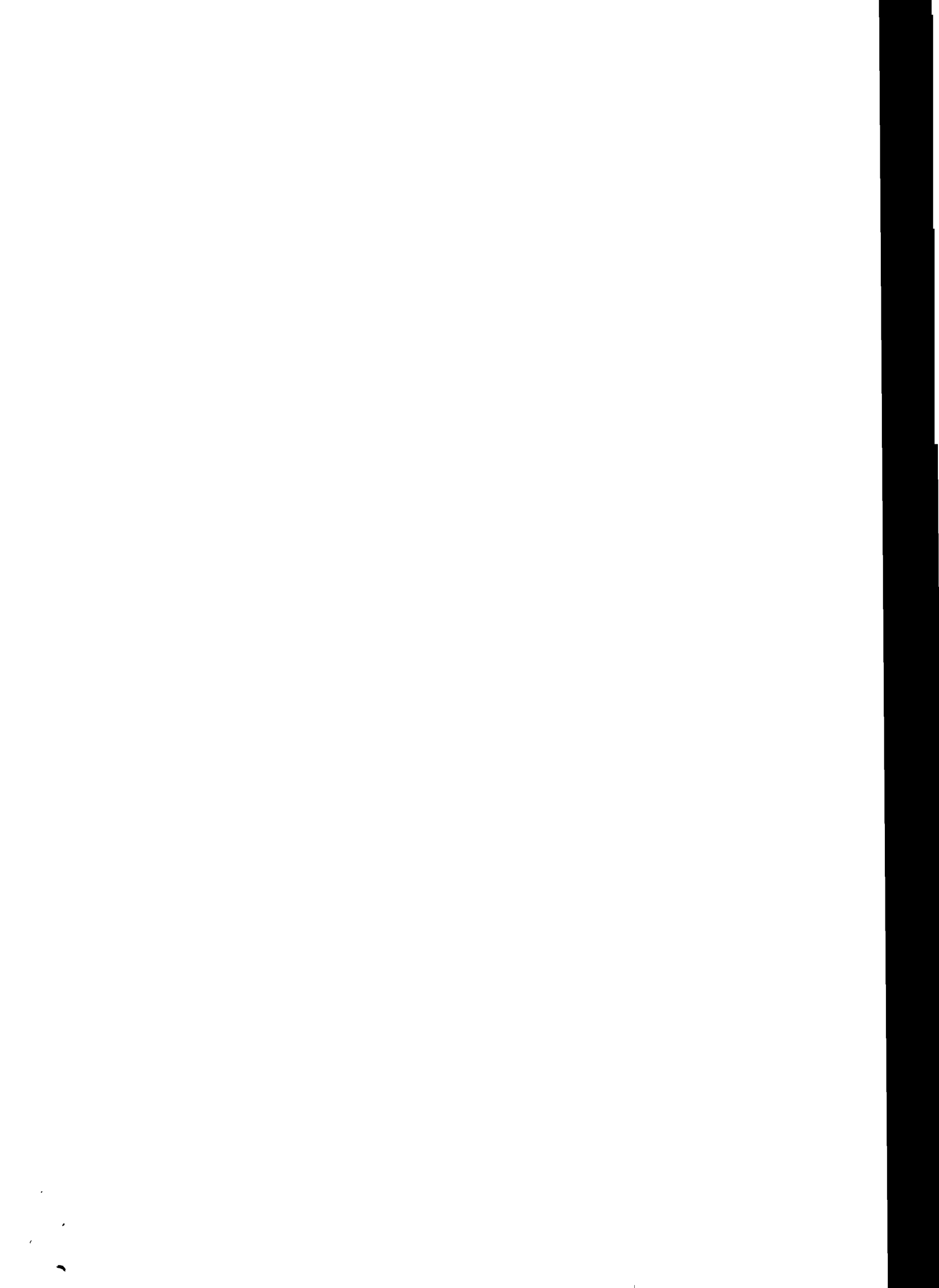
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Y tế;
- Tổng cục Môi trường- Bộ TNMT;
- Cục Quản lý môi trường y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh (đ/c Vinh);
- Trung tâm Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng : TH, CN, KGVX ;
- Lưu: VT, TNMT (H. 40 b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Y Giang Gry Niê Knong



KẾ HOẠCH

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 20/02/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Thực hiện Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xây dựng Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ cơ sở y tế trong công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại.
- Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải y tế nguy hại nhằm làm giảm tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở y tế.

2. Yêu cầu

- Chất thải y tế nguy hại phải được thu gom, phân loại riêng theo quy định về quản lý chất thải y tế và phân loại riêng với chất thải y tế thông thường ngay tại nguồn phát sinh và tại thời điểm phát sinh.
- Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh được thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý bằng các công trình xử lý môi trường tại các cơ sở y tế đã được đầu tư ở mức tối đa có thể.
- Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

II. NỘI DUNG

1. Tổng quan về các cơ sở y tế, chất thải y tế và công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

a) Tổng quan về các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

***Hệ Điều trị:** Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có các bệnh viện gồm:
Trước năm 2017:

- Có 01 Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tuyến tỉnh: BVĐK tỉnh Đắk Lắk,
- Có 04 bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh: Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi, Bệnh viện Tâm Thần Đắk Lắk, Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Đắk Lắk và Bệnh viện Mắt Đắk Lắk.
- Có 01 BVĐK khu vực: BVĐK khu vực 333.

- Có 03 BVĐK tư nhân: BVĐK Thiện Hạnh, Bệnh viện Mắt Tây Nguyên và BVĐK Cao Nguyên
- Có 01 bệnh viện trực thuộc Đại học Tây Nguyên (Bệnh viện Đại học Tây Nguyên)
- Có 14 bệnh viện tuyến huyện/thị xã/thành phố, Sau năm 2017 có thêm 3 bệnh viện, gồm:
 - + BVĐK vùng Tây Nguyên,
 - + Bệnh viện Sán Nhi,
 - + Bệnh viện Ung Bướu.

***Hệ dự phòng:**

- Tuyến tỉnh: Có 08 Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, 01 Trung tâm y tế dự phòng và 02 Chi cục, gồm: Trung tâm Kiểm nghiệm Dược - Mỹ Phẩm; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Trung tâm Da liễu; Trung tâm Truyền thông-Giáo dục sức khỏe; Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Pháp Y; Trung tâm phòng chống Sốt rét – Ký sinh trùng, Côn trùng; Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh.
- Tuyến huyện có 15 Trung tâm y tế thị xã, thành phố.
- Tuyến xã: có 184 Trạm Y tế (TYT) xã, phường, thị trấn và 294 cơ sở hành nghề y tế tư nhân khác (Phòng khám tư nhân).

b) Số lượng, loại chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh

Tình hình phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

TT	Tên/loại chất thải rắn y tế nguy hại	Tổng lượng phát sinh trung bình (kg/ngày)
1	Chất thải lây nhiễm	896
2	Chất thải hóa học nguy hại	89
3	Chất thải phóng xạ	25
4	Bình chứa áp suất	12
	Tổng	1.022

Số lượng, loại chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trong tỉnh (chi tiết tại Phụ lục 7).

c) Hiện trạng công tác quản lý và năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế, cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh

- Công tác thu gom, phân loại chất thải rắn y tế nguy hại:

Hầu hết các cơ sở y tế đã bố trí túi nilon, hộp an toàn và các xô, thùng để phục vụ công tác thu gom, phân loại. Về cơ bản công tác thu gom, phân loại chất thải y tế trong đó có chất thải rắn y tế nguy hại đã đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc bố trí túi nilon, hộp an toàn đảm bảo theo quy định còn chưa đầy đủ hoặc túi nilon, hộp an toàn chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, tại một số cơ sở còn có hiện tượng để chất thải có tính nguy hại

không đúng với dụng cụ, thiết bị thu gom theo quy định hoặc có lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường/chất thải nguy hại khác loại.

- Năng lực xử lý chất thải rắn y tế nguy hại: Hiện tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh đang áp dụng mô hình xử lý tại chỗ, chi tiết tại Phụ lục 1 (tại Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch quản lý chất thải y tế giai đoạn 2015 – 2020 tỉnh Đắk Lắk).

2. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Theo Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch quản lý chất thải y tế giai đoạn 2015 – 2020 tỉnh Đắk Lắk:

Tỉnh Đắk Lắk có kế hoạch đầu tư xây dựng 2 cụm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi (thành phố Buôn Ma Thuột) và Bệnh viện đa khoa khu vực 333 (huyện Ea Kar), hiện tại đang được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn của Ngân hàng Thế giới và của tỉnh (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Dự án đầu tư công trình: Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi; Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện ĐKKV 333).

Xét theo điều kiện và năng lực xử lý chất thải của các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế, tỉnh Đắk Lắk triển khai thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại như sau :

a) Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

*** Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm:**

Nguyên tắc hoạt động mô hình cụm:

- Mô hình cụm hoạt động khi đủ các điều kiện đáp ứng về bảo vệ môi trường; đủ điều kiện về năng lực xử lý chất thải nguy hại; phải đảm bảo các thiết bị, hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn quy định, đủ các điều kiện về thủ tục pháp lý liên quan;

- Các cơ sở y tế có thể lựa chọn cụm gần nhất để hợp đồng xử lý.

- Phân chia thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Kế hoạch quản lý chất thải y tế giai đoạn 2015 – 2020 tỉnh Đắk Lắk và theo năng lực của các cơ sở y tế.

Cụm 1: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Đắk Lắk:

+ Năng lực xử lý: 40 kg/giờ.

+ Phạm vi xử lý: Các cơ sở y tế công lập và tư nhân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột (trừ các cơ sở y tế thuộc Cụm 12 và Cụm 13), BVĐK huyện Cư M'gar và BVĐK huyện Cư Kuin.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động Cụm 1: sau khi hệ thống được đầu tư xong, nghiệm thu, bàn giao và đi vào vận hành.

Các bệnh viện trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Cư M'gar và huyện Cư Kuin, nếu đã được đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn y tế và đang hoạt động tốt, đã được cấp phép tự xử lý chất thải y tế nguy hại thì vẫn phải vận hành hệ thống để tự xử lý chất thải y tế của đơn vị mình.

Cụm 2: Bệnh viện đa khoa Khu vực 333:

+ Năng lực xử lý: 25 kg/giờ.

+ Phạm vi xử lý: Ngoài việc xử lý chất thải rắn y tế nguy hại do mình phát sinh ra, Bệnh viện đa khoa khu vực 333 tỉnh Đắk Lắk còn phải có trách nhiệm xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho: BVĐK huyện Ea Kar; BVĐK huyện Krông Pắc và trạm y tế các xã, phường thuộc huyện Ea Kar và các phòng khám đa khoa, chuyên khoa tư nhân trên địa bàn các xã, phường nêu trên.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động Cụm 2: sau khi hệ thống được đầu tư xong, nghiệm thu, bàn giao và đi vào vận hành.

Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar và Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc nếu đã được đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn y tế và đang hoạt động tốt, đã được cấp phép tự xử lý chất thải y tế nguy hại thì vẫn phải vận hành hệ thống để tự xử lý chất thải y tế của đơn vị mình và xử lý chất thải rắn cho các Trạm y tế, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn của 2 huyện.

Cụm 3: Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn:

+ Năng lực xử lý: 4 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Buôn Đôn

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: sau khi hệ thống được đầu tư xong, nghiệm thu, bàn giao và đi vào vận hành.

Cụm 4: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng:

+ Năng lực xử lý: 4 kg/giờ.

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Krông Năng

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: sau khi hệ thống được đầu tư xong, nghiệm thu, bàn giao và đi vào vận hành.

Cụm 5: Bệnh viện đa khoa huyện Lắk:

+ Năng lực xử lý: 4 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Lắk, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Lắk.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: sau khi hệ thống được đầu tư xong, nghiệm thu, bàn giao và đi vào vận hành.

Cụm 6: Bệnh viện đa khoa Thị xã Buôn Hồ:

+ Năng lực xử lý: 20 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa Thị xã Buôn Hồ, Trạm y tế các xã/phường và các cơ sở y tế khác trong Thị xã Buôn Hồ.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 7: Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrắk:

+ Năng lực xử lý: 15 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrắk, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện M'Đrắk

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 8: Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo:

+ Năng lực xử lý: 20 kg/giờ.

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Ea H'leo

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 9: Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp:

+ Năng lực xử lý: 25 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Ea Súp.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 10: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana:

+ Năng lực xử lý: 20 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Krông Ana

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 11: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông:

+ Năng lực xử lý: 15 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông, Trạm y tế các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện Krông Bông

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 12: Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk:

+ Năng lực xử lý: 150 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk, Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh và các cơ phòng khám tư nhân trong phạm vi TP Buôn Ma Thuột.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

Cụm 13: Bệnh viện đa khoa TP Buôn Ma Thuột

+ Năng lực xử lý: 20 kg/giờ

+ Phạm vi xử lý: Bệnh viện đa khoa TP Buôn Ma Thuột, Trạm y tế các xã /phường thuộc TP Buôn Ma Thuột.

+ Thời gian bắt đầu hoạt động: ngày 01/4/2017

*** Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình tại chỗ:**

- Phạm vi áp dụng:

Các cơ sở y tế đã được đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn y tế và đang hoạt động tốt, đã được cấp phép tự xử lý chất thải y tế nguy hại, không thuộc các cụm ở trên (hoặc các cụm không đủ năng lực xử lý cho cụm).

- Phạm vi xử lý: xử lý chất thải rắn y tế nguy hại do cơ sở y tế tự phát sinh.

b) Thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại

***Thu gom**

Các cơ sở y tế có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, trong đó lưu ý:

- Đối với chất thải rắn y tế nguy hại: phải phân loại riêng chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh.

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất là 01 (một) lần/ngày. Riêng đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tuần.

- Các cơ sở y tế phải bố trí khu vực lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại cho cụm cơ sở y tế và bệnh viện phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục I, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

+ Các cơ sở y tế còn lại phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường phải lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm phải lưu giữ riêng trừ trường hợp các loại chất thải này áp dụng cùng một phương pháp xử lý.

- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm:

+ Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế, thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại cơ sở y tế không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8⁰C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

+ Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về để xử lý theo mô hình cụm, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20⁰C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

*** Vận chuyển**

- Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ:

Thực hiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải y tế của đơn vị để xử lý đảm bảo đúng quy trình.

- Đối với các cơ sở xử lý theo cụm:

Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế trong cụm đến cơ sở xử lý cho cụm phải thực hiện bằng các hình thức sau:

+ Cơ sở y tế trong cụm thuê đơn vị bên ngoài có giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để thực hiện vận chuyển chất thải của cơ sở y tế đến cơ sở xử lý cho cụm. Đối với chủ xử lý chất thải nguy hại, chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại tham gia vận chuyển chất thải y tế trong cụm nhưng nằm ngoài phạm vi của giấy phép do cơ quan nhà nước

có thẩm quyền cấp phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép trước khi thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;

+ Cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị khác không thuộc đối tượng nêu trên (*các đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại*) để vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ cơ sở y tế đến cơ sở xử lý cho cụm. Trong đó, các cơ sở y tế trong cụm hoặc đơn vị được thuê vận chuyển chất thải y tế nguy hại sử dụng xe thùng kín hoặc xe bảo ôn chuyên dụng để vận chuyển hoặc sử dụng các loại phương tiện vận chuyển khác để vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ cơ sở của mình đến cơ sở xử lý cho cụm nhưng phải đáp ứng những yêu cầu sau:

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải rắn y tế nguy hại trên phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu:

+ Có thành, đáy, nắp kín, kết cấu cứng, chịu được va chạm, không bị rách vỡ bởi trọng lượng chất thải, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển;

+ Có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Kế hoạch này với kích thước phù hợp, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu trên thiết bị lưu chứa chất thải;

+ Được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và bảo đảm không bị rơi, đổ trong quá trình vận chuyển chất thải.

- Chất thải lây nhiễm trước khi vận chuyển phải được đóng gói trong các thùng, hộp hoặc túi kín, bảo đảm không bị bụi, vỡ hoặc phát tán chất thải trên đường vận chuyển.

- Tần suất vận chuyển chất thải y tế nguy hại tới cụm xử lý:

Các cơ sở y tế trong cụm vận chuyển chất thải y tế nguy hại tới cơ sở y tế xử lý cho cụm với tần suất sao cho đảm bảo về thời gian lưu giữ theo quy định.

3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh: Thực hiện theo Phụ lục 6

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hoặc các nguồn hỗ trợ khác (nếu có);

- Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế xử lý theo mô hình cụm;

- Kinh phí thường xuyên của các đơn vị (đối với các cơ sở xử lý tại chỗ).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, hướng dẫn chi tiết việc sử dụng các phương tiện vận chuyển thích hợp để tự vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ cơ sở đến cơ sở xử lý cho cụm và các nội dung khác trong Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế đặc biệt là chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT;

- Kịp thời thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường về các thay đổi trong thực tế công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng dự thảo Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn xây dựng đơn giá xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế xử lý theo cụm;

- Nghiên cứu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế chưa được đầu tư.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 (B) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT- BYT-BTNMT và gửi về Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì hướng dẫn các phương pháp xử lý và tiêu hủy chất thải rắn y tế nguy hại và các biện pháp xử lý nước thải y tế phù hợp theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các cơ sở y tế

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, hướng dẫn chi tiết việc sử dụng các phương tiện vận chuyển thích hợp để tự vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ cơ sở đến cơ sở xử lý cho cụm và các nội dung khác trong Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế đặc biệt là chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng dự thảo Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật hoặc thực tế công tác quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải nguy hại (bao gồm cả chất thải y tế) theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hỗ trợ các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải y tế nguy hại;

- Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn xây dựng đơn giá xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí, đề xuất phương án để đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế chưa được đầu tư theo thứ tự ưu tiên.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan Báo, Đài địa phương, Cổng thông tin điện tử tỉnh tổ chức tuyên truyền nội dung của Kế hoạch rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm trong việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Kịp thời thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế để thực hiện công tác quản lý về chất thải y tế nguy hại.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tổ chức thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác quản lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn và việc thực hiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế về cụm xử lý.

9. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện quản lý chất thải y tế theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Phân công 01 Lãnh đạo phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế và 01 khoa, phòng hoặc cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở;

- Lập và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này (trừ trường hợp cơ sở y tế tự thực hiện xử lý chất thải y tế), sử dụng Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại thay thế cho chứng từ chất thải y tế nguy hại khi chuyển giao;

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế;

- Thống nhất đơn giá xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trong cụm xử lý với cơ sở xử lý cho cụm theo hướng dẫn của Sở Y tế, Sở Tài chính;

- Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho tất cả cán bộ, viên chức, hợp đồng và các đối tượng liên quan. Hàng năm, tổ chức đào tạo về quản lý chất thải y tế cho công chức, viên chức, người lao động của đơn vị và các đối tượng có liên quan;

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Kế hoạch này về Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo;

- Các cơ sở y tế chưa có công trình xử lý chất thải y tế đã ký hợp đồng xử lý chất thải y tế với các cơ sở đã được đầu tư trước ngày thời điểm Kế hoạch này ban hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hiệu của hợp đồng.

10. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các cụm xử lý

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Mục 9, phần IV của Kế hoạch này, người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các cụm xử lý phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo nội dung trong Kế hoạch này;

- Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khu lưu giữ và thiết bị lưu giữ, thời gian lưu giữ, xử lý chất thải y tế nguy hại tiếp nhận từ các cơ sở y tế trong cụm hoặc các yêu cầu kỹ thuật về phương tiện vận chuyển và thiết bị lưu chứa chất thải trên phương tiện vận chuyển theo quy định khi thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải y tế từ các cơ sở y tế trong cụm xử lý.

Trên đây là Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. UBND tỉnh Đắk Lắk yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện để công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt, góp phần bảo vệ môi trường. Trong quá trình triển khai thực hiện, có những khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành và các đơn vị liên quan tham mưu điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. / *Thok*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knơng

PHỤ LỤC 01

**THỰC TRẠNG XỬ LÝ TẠI CHỖ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI
CỦA CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**
(Kèm theo Quyết định số: 362 /QĐ-UBND ngày 20 /02/2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Các bệnh viện	Mô tả công nghệ xử lý			
		Loại công nghệ	Công suất thiết kế (kg/h)	Thời gian lắp đặt	Hiện trạng hoạt động
1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	Hấp tiết trùng bằng hơi nước	150 kg/ 1h30'	2007	Đang sử dụng thường xuyên
2	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Lò đốt 2 buồng	15 kg/h	2008	Xuống cấp, đang đầu tư hệ thống mới
3	Bệnh viện Tâm thần	Lò đốt 2 buồng	30 kg/h	2014	Đang sử dụng thường xuyên
4	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	Lò đốt 2 buồng	20 kg/h	2014	Đang sử dụng thường xuyên
5	Bệnh viện ĐKKV 333	Lò đốt 1 buồng	35 kg/h	2012	Xuống cấp, đang đầu tư hệ thống mới
6	BVĐK TP Buôn Ma Thuột	Lò đốt 2 buồng	20 kg/h	2013	Không sử dụng
		Hệ thống hấp tiết trùng	20 kg/h	2015	Đang hoạt động thường xuyên
7	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar	Lò đốt 1 buồng	25 kg/h	2012	Đang sử dụng thường xuyên
8	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Pắc	Lò đốt 1,2 buồng	25 kg/h	2012	Đang sử dụng thường xuyên
			20 kg/h	2003	Không sử dụng
9	Bệnh viện đa khoa	Lò đốt 2	15 kg/h	2007	Xuống cấp, đang

Handwritten signature

	huyện Buôn Đôn	buồng			đầu tư hệ thống mới
10	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng	Lò đốt 2 buồng	15 kg/h	2008	Xuống cấp, đang đầu tư hệ thống mới
11	Bệnh viện đa khoa huyện Lắk	Lò đốt 1 buồng	15 kg/h	2008	Xuống cấp, đang đầu tư hệ thống mới
12	Bệnh viện đa khoa huyện Cư Kuin	Lò đốt 2 buồng	15 kg/h	2007	Đang sử dụng thường xuyên
14	Bệnh viện đa khoa huyện Cư M'Gar	Lò đốt 1 buồng	15 kg/h	2014	Đang sử dụng thường xuyên
15	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	Lò đốt 2 buồng	15 kg/h	2008	Đang sử dụng thường xuyên
		Hấp tiết trùng	20 kg/h	2015	Đang sử dụng thường xuyên
17	Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrắk	Lò đốt 1 buồng	15 kg/h	2012	Đang sử dụng thường xuyên
18	Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo	Lò đốt 2 buồng	20 kg/h	2012	Đang sử dụng thường xuyên
19	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp	Lò đốt 2 buồng	25 kg/h	2013	Đang sử dụng thường xuyên
20	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana	Lò đốt 1 buồng	20 kg/h	2013	Đang sử dụng thường xuyên
21	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông	Lò đốt 2 buồng	15 kg/h	2013	Đang sử dụng thường xuyên

PHỤ LỤC 02

YÊU CẦU KỸ THUẬT KHU LƯU GIỮ CHẤT THẢI TẠI CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số: 362/QĐ-UBND ngày /02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Đối với các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế và bệnh viện:

1. Có mái che cho khu vực lưu giữ; nên đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2. Có phân chia các ô hoặc có dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất; từng ô, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trong khu vực lưu giữ phải có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải y tế nguy hại được lưu giữ theo Phụ lục số 03 của Kế hoạch này với kích thước phù hợp, dễ nhận biết;

3. Có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải y tế nguy hại ở dạng lỏng.

4. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

II. Đối với các cơ sở y tế khác

1. Có mái che cho khu vực lưu giữ; nên đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2. Phải bố trí vị trí phù hợp để đặt các dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế.


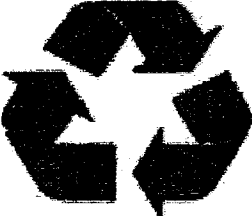
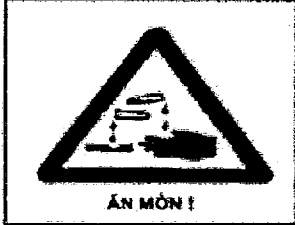
3. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải phù hợp với từng loại chất thải và lượng chất thải phát sinh trong cơ sở y tế. Các chất thải khác nhau nhưng cùng áp dụng một phương pháp xử lý được lưu giữ trong cùng một dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

4. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có nắp đậy kín, có biểu lượng loại chất thải lưu giữ theo đúng quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

Thư

PHỤ LỤC 03
BIỂU TƯỢNG TRÊN BAO BÌ, DỤNG CỤ, THIẾT BỊ
LƯU CHỨA CHẤT THẢI Y TẾ
(Kèm theo Quyết định số: 362 /QĐ-UBND ngày 20 /02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

	
<p>CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CHẤT GÂY ĐỘC TẾ BÀO</p>	<p>CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CHẤT GÂY BỆNH</p>
 <p style="text-align: center; font-size: small;">CHẤT THẢI NGUY HẠI</p>	
<p>CẢNH BÁO CHUNG VỀ SỰ NGUY HIỂM CỦA CHẤT THẢI NGUY HẠI</p>	<p>BIỂU TƯỢNG CHẤT THẢI TÁI CHẾ</p>
	 <p style="text-align: center; font-size: small;">ĂN MÒN I</p>
<p>CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CÁC CHẤT ĐỘC HẠI</p>	<p>CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHỨA CHẤT ĂN MÒN</p>
	
<p>CẢNH BÁO VỀ CHẤT THẢI CÓ CHẤT DỄ CHÁY</p>	

Ghi chú: Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại áp dụng theo các quy định trong TCVN 5053: 1990.

PHỤ LỤC 04

MẪU SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

(Kèm theo Quyết định số: 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. Mẫu bìa sổ

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN TÊN CƠ SỞ Y TẾ -----
SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

II. Nội dung ghi trong sổ Ngày tháng năm	Lượng chất thải bàn giao (Kg)						Tổng số	Người giao chất thải (Ký ghi rõ họ và tên)	Người nhận chất thải (Ký ghi rõ họ và tên)
	Chất thải lây nhiễm			Chất thải nguy hại khác					
	Sắc nhọn	Không sắc nhọn	Giải phẫu	Chất thải A	Chất thải B	...			
...									
Cộng tháng...									

Ghi chú:

Thach

- Sổ giao nhận chất thải này được sử dụng thay thế cho chứng từ chất thải nguy hại đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm khi bàn giao chất thải; Đối với cơ sở y tế thuê đơn vị xử lý chất thải theo mô hình tập trung được sử dụng để theo dõi lượng chất thải bàn giao trong tháng làm cơ sở để xuất chứng từ chất thải nguy hại hàng tháng;
- Sổ bàn giao chất thải được Chủ nguồn thải lập thành 02 Sổ, Chủ nguồn thải giữ 01 Sổ và Cơ sở xử lý chất thải giữ 01 Sổ. Mỗi lần giao nhận chất thải giữa hai bên phải điền đầy đủ thông tin và ký nhận giữa hai bên vào 02 sổ để theo dõi, đối chiếu và quản lý;
- Không được tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trong sổ.

PHỤ LỤC 05

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ
ĐỊNH KỲ CỦA CƠ SỞ Y TẾ**

(Kèm theo Quyết định số: 562 /QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ SỞ Y TẾ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-BV

....., ngày... tháng... năm....

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

(Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/20..... đến ngày 31/12/20.....)

Kính gửi: - Sở Y tế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Mã số QLCTNH (Nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

Tên người tổng hợp báo cáo:

.....

Điện thoại:; Email:

.....

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng cơ sở)

Tên cơ sở (nếu có)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có):; Số giường bệnh thực kê:

Phần 2. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải y tế thì báo cáo lần lượt đối với từng cơ sở y tế)

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			Hình thức/Phương pháp xử lý (*)
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên và mã số QLCTNH	Số lượng	
1	Chất thải lây nhiễm, gồm:		kg/năm					
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/năm					
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		kg/năm					
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/năm					
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm					
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm					
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại		kg/năm					

2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm					
2.3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng		kg/năm					
2.4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ		kg/năm					
2.5	Chất thải nguy hại khác		kg/năm					
3	Chất thải y tế thông thường		kg/năm					
4	Nước thải y tế		m ³ /năm					

Ghi chú: (*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường: KĐ (hấp ứot, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng). TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải y tế: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

Uak

2.3. Thống kê xử lý chất thải y tế trong năm theo mô hình cụm cơ sở y tế (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế):

TT	Loại chất thải y tế	Lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
1			
...			

Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

Phần 4. Các vấn đề khác

Phần 5. Kết luận, kiến nghị

Nơi nhận:

...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Chak

PHỤ LỤC 6

Tổng hợp kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số: 362 /QĐ-UBND ngày 20 /02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý (kg/giờ)	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
Các cụm xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh					
1	Cụm 1: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	BV Lao và Bệnh phổi	40	Các cơ sở y tế trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột (trừ các cơ sở y tế thuộc Cụm 12 và 13), huyện Cư M'gar và huyện Cư Kuin	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
2	Cụm 2: Bệnh viện đa khoa khu vực 333	BVĐK khu vực 333	25	Các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Ea Kar và BVĐK huyện Krông Pắc	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
3	Cụm 3: Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn	Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn	4	Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
4	Cụm 4: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng	4	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
5	Cụm 5: Bệnh viện đa khoa huyện Lắk	Bệnh viện đa khoa huyện Lắk	4	Bệnh viện đa khoa huyện Lắk, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
6	Cụm 6: Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	20	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong Thị xã	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển

Handwritten mark

7	Cụm 7: Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrắk	Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrắk	15	Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrắk, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
8	Cụm 8: Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo	Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo	20	Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
9	Cụm 9: Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp	25	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
10	Cụm 10: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana	20	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana, TYT các xã /phường/thị trấn, các cơ sở y tế khác trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
11	Cụm 11: Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông	15	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông và TYT các xã /phường/thị trấn trong huyện	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
12	Cụm 12: BVĐK tỉnh Đắk Lắk	BVĐK tỉnh Đắk Lắk	150	Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh và các phòng khám tư nhân trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển
13	Cụm 13: Bệnh viện đa khoa TP Buôn Ma Thuột	Bệnh viện đa khoa TP Buôn Ma Thuột	15	Các trạm Y tế trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Quyết định số: 362/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Các bệnh viện	Số lượng bệnh nhân năm 2016	HCV phát sinh chất thải y tế	CHẤT THẢI Y TẾ PHÁT SINH NĂM 2016											
				Chất thải lây nhiễm	Chất thải hóa học	Chất thải thông thường	Chất thải sắc nhọn	Lây nhiễm không sắc nhọn	Lây nhiễm cao	Mô bệnh phẩm	Hồ chứa nguy hiểm hay đúng	Thuốc gây độc tế bào	Phòng xạ	Bình áp suất	
A	Các cơ sở y tế công lập														
I	Khối BV tỉnh, BV chuyên khoa, phòng khám, đơn vị trực thuộc sở y tế.														
1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	986	0.2	197.2	19.7	986	+++	+++	++	++	+	+/-	+	+	
2	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	106	0.225	23.9	2.4	119	++	+++	++	++	++	+/-	-	+	
3	Bệnh viện Tâm thần	100	0.12	12.0	1.2	60	+	+	+	-	+	+/-	-	+	
4	Bệnh viện Đại học Tây Nguyên	30	0.12	3.6	0.4	18	++	+++	++	+	++	+/-	-	+	
5	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	220	0.12	26.4	2.6	132	+	+++	++	-	+		-	+	
6	Khu điều trị Ea Na (Trung tâm Da liễu)	50	0.2	10.0	1.0	50	+	+++	++	+	+	+/-	-	+	
7	Trung tâm CSSKSS	10	0.175	1.8	0.2	9	+	+++	++	+	+	+/-	-	+	
8	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh			1.0	0.1	5.0	+	+++	++	+	+	+/-	-	+	
II	Khối BV huyện, TT Y tế huyện, phòng khám.										+				
1	Bệnh viện ĐK Thành phố Buôn Ma Thuột	220	0.175	38.5	3.9	193	+	+++	++	+	+	+/-	-	+	

Uol

2	Bệnh viện ĐKKV 333	220	0.175	38.5	3.9	193	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
3	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar	125	0.175	21.9	2.2	109	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
4	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Păk	140	0.175	24.5	2.5	123	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
5	Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn	160	0.175	28.0	2.8	140	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
6	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng	159	0.175	27.8	2.8	139	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
7	Bệnh viện đa khoa huyện Lắk	100	0.175	17.5	1.8	88	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
8	Bệnh viện đa khoa huyện Cư Kuin	130	0.175	22.8	2.3	114	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
9	Bệnh viện đa khoa huyện Cư M'Gar	160	0.175	28.0	2.8	140	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
10	Bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ	350	0.175	61.3	6.1	306	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
11	Bệnh viện đa khoa huyện M'Drăk	100	0.175	17.5	1.8	88	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
12	Bệnh viện đa khoa huyện Ea H'leo	130	0.175	22.8	2.3	114	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
13	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Súp	100	0.175	17.5	1.8	88	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
14	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Ana	100	0.175	17.5	1.8	88	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
15	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông	110	0.175	19.3	1.9	96	+	+++	++	+	+	+	+/-	-	+
16	Các trung tâm y tế/huyện, thành phố (14 trung tâm)			15.0	1.5	75	+/-	+/-	-	-	-	-	-	-	-
III	Tuyên xã														
1	Trạm Y tế tuyến xã, phường, thị trấn, thành phố (184 trạm)			92.0	9.2	460	+/-	+/-	-	-	-	-	-	-	-
B	Các cơ sở y tế ngoài công lập														
1	BVĐK Thiện Hành	400.0	0.2	80.0	8.0	400	++	+++	++	++	++	++	+/-	-	+

CÁK

		0													
2	Bệnh viện Mắt Tây Nguyên	50.00	0.12	6.0	0.6	30	++	+++	++	++	++	++	+/-	-	+
3	Bệnh viện ĐK Cao Nguyên	200.00	0.12	24.0	2.4	120	++	+++	++	++	++	++	+/-	-	+
	Tổng từng loại			896.0	89.6	4480									
	Tổng			5466											

Ghi chú: (+++): Phát sinh khối lượng lớn (++) : Phát sinh khối lượng trung bình (+): Phát sinh khối lượng nhỏ (+/-): Có thể phát sinh (-): Không phát sinh

Uach

